

## CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 07 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	281	5,620,000
Được chi trong ngày					5,620,000
Đã chi trong ngày					5,620,000
<b>1. Dịch vụ</b>					<b>421,500</b>
1	chất đốt		1,500	281	421,500
<b>2. Kho</b>					<b>1,151,370</b>
<b>Ăn chính</b>					<b>1,151,370</b>
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	24.5	379,750
2	Dầu lạc	Kg	120,000	0.8	96,000
3	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.7	51,800
4	Lạc hạt	Kg	80,000	5	400,000
5	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
6	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.61	37,820
7	Dầu simply	Lít	68,000	2.5	170,000
<b>3. Đi chợ</b>					<b>4,047,130</b>
<b>Ăn chính</b>					<b>4,047,130</b>
1	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	10,000	6	60,000
2	Cà chua	Kg	15,000	2	30,000
3	Bắp cải	Kg	10,000	12	120,000
4	Hành củ tươi	Kg	35,000	1.1	38,500
5	Rau mồng tơi	Kg	20,000	4	80,000
6	Cá thu	Kg	230,000	10.4	2,392,000
7	Nghêu	Kg	25,000	7	175,000
8	Trứng gà	Quả	4,100	50	205,000
9	Lá chanh	Kg	1,000	0.63	630
10	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
11	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	4.8	624,000
12	Bầu xanh	Kg	15,000	3	45,000
13	Miến gạo	Gói	22,000	11	242,000
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

